

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2011

Trụ sở: Tầng 5&6 Tòa nhà Khánh Hội, lô 2/3C đường Lê Hồng Phong, Quận Ngô
Quyền, TP. Hải Phòng, Việt Nam

Điện thoại: +84 31 3556002

Fax +84 31 3556008.

Website: www.hapaco.vn

Email: hapaco@hapaco.vn / hapaco@hn.vnn.vn

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2011**

Tên công ty đại chúng: Công ty cổ phần Tập đoàn HAPACO

Tên viết tắt: TẬP ĐOÀN HAPACO

Tên giao dịch: HAPACO

Vốn điều lệ: - Đăng ký : 500.002.510.000 VNĐ

- Đã phát hành : 244.362.290.000 VNĐ

Địa chỉ: Tầng 5 + 6 Toà nhà Khánh Hội, Lô 2/3C Lê Hồng Phong, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

Điện thoại: 084 31 3556002

Fax: +84 31 3556008

Website: www.hapaco.vn - Email: hapaco@hapaco.vn / hapaco@hn.vnn.vn

Tập đoàn đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hải Phòng cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 055591 ngày 17 tháng 06 năm 1999, cấp lại lần thứ 11 ngày 21 tháng 11 năm 2009.

Mã số thuế: 0200371361

I. Lịch sử hoạt động của Công ty:

1. Những sự kiện quan trọng:

Tiền thân của Công ty Cổ phần Tập đoàn HAPACO là Xí nghiệp Giấy bia Đồng Tiến, được thành lập ngày 14/09/1960 trên cơ sở giấy nhỏ được công tư hợp doanh thành DNNN, chuyên sản xuất các loại bia cát tông với các thiết bị cũ sản xuất trong nước, giải quyết một phần nhu cầu về giấy cho nhân dân thành phố thời kỳ chiến tranh. Năm 1975, do nhu cầu giấy viết giấy in tài liệu tăng cao, Xí nghiệp đã mở rộng đầu tư thêm dây chuyền sản xuất giấy mỏng, cung cấp các loại giấy in, viết, đánh máy.

Tháng 12/1986, xí nghiệp đổi tên thành Nhà máy Giấy Hải Phòng. Thời gian này chất lượng các sản phẩm giấy của Nhà máy không thể cạnh tranh được với các sản phẩm cùng loại của nhà máy giấy Bãi Bằng, Vĩnh Phúc, vì vậy lãnh đạo Nhà máy quyết định chọn phương thức sản xuất mới cho thị trường phía bắc, cải tiến các thiết bị sản xuất giấy vệ sinh trên dây chuyền thiết bị cũ tiết kiệm hàng tỷ đồng, bên cạnh đó, đẩy mạnh xuất khẩu sang Liên Xô (cũ).

Năm 1991, Nhà máy đã nhanh chóng tiếp cận thị trường Đài Loan, xuất khẩu sang Đài Loan sản phẩm giấy đế, một mặt hàng hoàn toàn mới tại Việt Nam thời gian đó, nhờ vậy, sản xuất kinh doanh của Nhà máy ổn định và tăng trưởng vững chắc.

Tháng 12/1992, Nhà máy đổi tên thành Công ty Giấy Hải Phòng - HAPACO. Từ đây, Công ty đã lớn mạnh không ngừng, bình quân tăng trưởng hàng năm 31%, đặc

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2011

biệt năm 1996 tỷ lệ tăng trưởng là 200%. HAPACO trở thành công ty đứng thứ 2 ở miền Bắc trong ngành Giấy.

Đầu năm 1998, Công ty Giấy Hải Phòng đã tách 3 phân xưởng sản xuất để tiến hành cổ phần hóa một bộ phận thành lập Công ty cổ phần Hải Âu (HASCO). Đến tháng 9/1999, vốn điều lệ của HASCO đã tăng trưởng gấp 3 lần, chia cổ tức cho cổ đông trị giá bằng 100% vốn cổ phần. Với kết quả như trên, UBND Thành phố Hải Phòng quyết định cổ phần hóa phần còn lại của Công ty. Ngày 28/10/1999, Công ty Giấy Hải Phòng chính thức hợp nhất vào Công ty cổ phần Hải Âu, đổi tên thành Công ty Cổ phần Giấy Hải Phòng - HAPACO.

Tháng 8/2000, Công ty là một trong 04 công ty cổ phần đầu tiên niêm yết cổ phiếu trên Trung tâm giao dịch chứng khoán TP.HCM (nay là Sở giao dịch chứng khoán TP.Hồ Chí Minh).

Ngày 7/4/2006, trong phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty, Đại hội đồng cổ đông đã nhất trí đổi tên Công ty từ Công ty Cổ phần Giấy Hải Phòng thành Công ty Cổ phần HAPACO.

Ngày 25/11/2006, Nhà máy giấy Kraft của Công ty đã cho sản phẩm giấy đầu tiên, đây là nhà máy sản xuất giấy Kraft xuất khẩu lớn nhất miền bắc và lớn thứ 2 trong cả nước với công suất 22.000 tấn/năm. Công trình được thành phố Hải Phòng đưa vào công trình chào mừng Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ X.

Công ty đã mua lại các nhà máy, các công ty trong và ngoài ngành giấy nâng tổng số công ty thành viên là 05 công ty, đáp ứng yêu cầu ổn định nguồn nguyên liệu sản xuất và đa dạng hoá ngành nghề kinh doanh của Công ty.

Bên cạnh đó với điều kiện thị trường chứng khoán thuận lợi trong năm 2006, 2007 công ty đã thực hiện đầu tư tham gia vào lĩnh vực tài chính chứng khoán như góp vốn thành lập Công ty Chứng khoán Hải Phòng, thành lập Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán Hải Phòng và Công ty TNHH đầu tư tài chính Hapaco đã đem lại lợi nhuận đáng kể.

Năm 2009, để đáp ứng quy mô phát triển về cả chiều rộng và chiều sâu, Công ty đã chuyển sang hoạt động theo mô hình Tập đoàn với tên gọi Công ty cổ phần tập đoàn HAPACO (gọi tắt là Tập đoàn HAPACO) gồm 14 công ty thành viên và 3 công ty liên kết. Theo đó, mọi hoạt động sản xuất kinh doanh sẽ do từng đơn vị thành viên trong Tập đoàn chịu trách nhiệm, Ban lãnh đạo Tập đoàn thực hiện vai trò giám sát điều tiết các nguồn lực cho sự phát triển của tất cả các thành viên.

Năm 2011, nhằm tập trung nguồn lực, phát triển thương hiệu, mở rộng sản xuất kinh doanh và hoạt động đầu tư, Tập đoàn HAPACO đã tiến hành tái cấu trúc Tập đoàn, phát hành thêm cổ phiếu sáp nhập hai Công ty con là HAPACO Hải Âu và HAPACO Yên Sơn vào Tập đoàn HAPACO. Bên cạnh đó Tập đoàn HAPACO cũng

12/09/2011
T. C. O. P. S.
H. S. / 2

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2011

đang triển khai xây dựng dự án Bệnh viện Phụ sản Quốc tế Hải Phòng (đang thực hiện gói thầu số 6: xây trát và hoàn thiện phần thân và các gói thầu khác) và dự án Khu Công nghiệp Hải Phòng (đã hoàn thành việc đền bù, giải phóng mặt bằng, và hoàn thành thủ tục chờ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất).

2. Quá trình phát triển:

+ Ngành nghề kinh doanh chính:

- Sản xuất bột giấy và giấy các loại, sản phẩm chế biến từ lâm nông sản để xuất khẩu;
- Sản xuất kinh doanh xăng dầu và các sản phẩm chưng cất từ dầu mỏ;
- Sản xuất và kinh doanh hàng dệt may xuất khẩu;
- Kinh doanh vận tải hành khách thủy, bộ;
- Kinh doanh bất động sản, xây dựng văn phòng và chung cư cho thuê;
- Đầu tư tài chính và mua bán chứng khoán;
- Kinh doanh dịch vụ khách sạn, nhà hàng, du lịch sinh thái;
- Kinh doanh các sản phẩm và thiết bị, máy móc, vật tư, nguyên liệu, hóa chất thông thường;
- Đào tạo nguồn nhân lực.
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi;
- In ấn: In giấy vàng mã xuất nhập khẩu;
- Hoạt động của các bệnh viện.

+ Tình hình hoạt động:

Chi tiết tình hình tài chính tại ngày 31/12/2011 và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính.

3. Định hướng phát triển:

Các mục tiêu chủ yếu, chiến lược trung và dài hạn

Định hướng phát triển của HAPACO đến năm 2015 tập trung vào một số điểm cơ bản sau: Phấn đấu phát triển HAPACO thành một công ty hoạt động đa ngành, đa lĩnh vực, đa dạng hoạt động kinh doanh sang một số lĩnh vực mới như kinh doanh thương mại; bất động sản; tài chính; kinh doanh dịch vụ y tế, chăm sóc sức khỏe và đào tạo nguồn nhân lực đồng thời tập trung vào hoạt động kinh doanh cốt lõi là sản xuất và xuất khẩu giấy.

Mục tiêu của HAPACO phấn đấu đến năm 2015:

- Sản xuất công nghiệp:

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2011

- Giấy và bột giấy đạt công suất lên 120.000 tấn/năm, đạt doanh thu 1.200 tỷ đồng/ năm
- Thương mại, tài chính, dịch vụ đạt doanh số: 300 tỷ đồng/năm.
- Kinh doanh bệnh viện phụ sản quốc tế đạt 50 tỷ đồng/ năm.
- Đào tạo nguồn nhân lực:
 - 2.000 công nhân kỹ thuật, trung cấp và học sinh phổ thông từ mẫu giáo đến hết lớp 12 PTTH.
 - Xuất khẩu lao động: 1.300 người/năm.

Các dự án phát triển Công ty trong giai đoạn 2011 - 2015:

- Nhanh chóng hoàn thiện dự án chuyển đổi Xí nghiệp liên doanh HAPACO Văn Bàn thành Công ty Cổ phần HAPACO Văn Bàn, cung cấp giấy nguyên liệu cho các xí nghiệp gia công khoảng 3.600 tấn/năm.
- Lắp đặt hoàn chỉnh 2 dây chuyền Giấy tissue trước 30/6/2012 nhằm tăng thêm sản lượng khoảng 3.000 tấn/năm.
- Dự án Bệnh viện phụ sản quốc tế Hải Phòng tại số 738 Nguyễn Văn Linh, quận Lê Chân, TP. Hải Phòng: đang thực hiện gói thầu số 6: xây trát và hoàn thiện phần thân và các gói thầu khác.
- Dự án Khu Công nghiệp Hải Phòng 513Ha: đã hoàn thành việc đền bù, giải phóng mặt bằng, và hoàn thành thủ tục chờ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.
- Dự án Trung tâm Thương mại - cao ốc, văn phòng cho thuê tại số 135 Điện Biên Phủ, quận Hồng Bàng, TP Hải Phòng: cơ bản hoàn thành giải phóng mặt bằng, hoàn thành thủ tục và được phê duyệt thiết kế kỹ thuật, hoàn thành thẩm định với các Sở, Ngành liên quan như Sở Tài Nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng, Công ty cấp thoát nước, Công ty Điện lực...

II. Báo cáo của Hội đồng quản trị:

1. Những nét nổi bật của kết quả hoạt động trong năm;

Thực hiện kế hoạch phát triển Kinh tế Xã hội 5 năm (2011 - 2015) theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Thành phố lần thứ XIV, cán bộ công nhân viên và lao động đã tích cực hưởng ứng Phong trào thi đua của Thành phố và chào mừng các ngày lễ lớn của đất nước. Ngay từ ngày đầu, tháng đầu năm 2011, toàn công ty ra quân phát động mạnh mẽ các phong trào thi đua tập trung phần đầu tốt nghị quyết ĐHĐCĐ của Công ty với quyết tâm cao. Kết quả đã đạt được các chỉ tiêu cơ bản:

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2011

TT	CÁC CHỈ TIÊU	ĐVT	KẾ HOẠCH	THỰC HIỆN	SO SÁNH (%)	
					KẾ HOẠCH 2011	CÙNG KỲ NĂM 2010
1	Giá trị SXCN	Triệu đồng	400.000	400.000	100	100
2	Doanh thu	Triệu đồng	410.000	360.600	88	100
3	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	25.000	13.288	52	53

2. Triển vọng và kế hoạch năm 2012:

2.1 Các chỉ tiêu chính :

- Giá trị SXCN: 450.000 triệu đồng
- Doanh thu: 380.000 triệu đồng trong đó doanh thu xuất khẩu đạt 14 triệu USD
- Lợi nhuận trước thuế: 25.000 triệu đồng
- Thương cổ phiếu: 15% bằng cổ phiếu.

2.2 Các hành động cụ thể:

- Giao kế hoạch hàng tháng, hàng quý cho các đơn vị thành viên gắn liền với các chỉ tiêu doanh thu, sản lượng và lợi nhuận, trong đó lấy lợi nhuận làm trọng tâm đổi mới phương pháp quản lý.
- Bổ sung hoàn chỉnh các qui chế; tiền lương, tiền thưởng gắn với kết quả sản xuất kinh doanh của từng đơn vị và cá nhân những người đứng đầu đơn vị, cán bộ quản lý hoặc phụ trách từng dự án, có thưởng phạt trách nhiệm trên cơ sở khoán chi phí, doanh thu, lợi nhuận, tiến độ của từng dự án.
- Tuyển chọn đủ nguồn nhân lực cấp cao có chất lượng trong việc điều hành các mặt hoạt động sản xuất, kinh doanh thương mại, dịch vụ... tổ chức thực hiện các dự án có chất lượng: kịp tiến độ, tránh mọi tiêu cực, lãng phí.
- Tranh thủ các nguồn vốn từ các tổ chức tín dụng nước ngoài, trong nước như phát hành cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, vốn ưu đãi của ngân hàng, quỹ đầu tư nước ngoài sao cho dự án nào đã khởi công đều có đủ vốn, để dự án không bị gián đoạn kéo dài, không có dự án treo. Năm nay tập trung vào việc phát hành trái phiếu chuyển đổi để thực hiện dự án Bệnh viện phụ sản quốc tế Hải Phòng để kịp đưa vào vận hành cuối quý I/2012.
- Hoàn chỉnh bộ xây dựng văn hóa công ty và bộ nhận dạng thương hiệu từ Tập đoàn đến các công ty thành viên.

III. Báo cáo của Ban giám đốc:

1. Báo cáo tình hình tài chính:

- Khả năng sinh lời:

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2011

Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2010
Lợi nhuận HDSXKD/Doanh thu thuần	3,7%	15,3%
Lợi nhuận HDSXKD/Tổng tài sản	1,9%	8,6%
Lợi nhuận HDSXKD/Vốn chủ sở hữu	2,5%	10,9%
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	441,84	2.357

- Khả năng thanh toán:

Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2010
Khả năng thanh toán nhanh (lần)	1,78	2,37
Khả năng thanh toán hiện hành (lần)	2,42	2,89

- Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2011:

Tài sản		Nguồn vốn	
1. Tài sản ngắn hạn	303.196.331.044	1. Nợ phải trả	153.788.104.325
2. Tài sản dài hạn	384.475.421.048	2. Vốn chủ sở hữu	529.657.735.857
		3. Lợi ích CĐ thiểu số	4.225.911.910
Cộng	687.671.752.092	Cộng	687.671.752.092

- Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

+ Vốn góp đầu năm:	186.516.780.000 đ
+ Vốn góp tăng trong năm:	57.845.510.000 đ
+ Vốn góp cuối năm:	244.362.290.000 đ

- **Cổ phiếu:**

Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành:	24.436.229 CP
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng:	24.436.229 CP
+ Trong đó cổ phiếu phổ thông:	24.436.229 CP
Số lượng cổ phiếu được mua lại:	155.470 CP
+ Trong đó cổ phiếu phổ thông:	155.470 CP
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành:	24.280.759 CP
+ Trong đó cổ phiếu phổ thông:	24.280.759 CP
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:	10.000VND/CP

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2011**- Các quỹ của Tập đoàn:**

Quỹ đầu tư phát triển: 60.153.508.593 đ

Quỹ dự phòng tài chính: 6.616.551.635 đ

2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hợp nhất năm 2011:

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm 2011	Năm 2010
			VND	VND
1	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	19	360.671.760.245	363.261.296.188
2	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		1.247.678.748	2.216.570.405
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		359.424.081.497	361.044.725.783
11	4. Giá vốn hàng bán	20	303.141.187.611	298.319.105.707
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		56.282.893.886	62.725.620.076
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	8.614.831.957	18.348.113.431
22	7. Chi phí tài chính	22	11.012.775.814	(10.489.746.041)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		6.123.353.817	6.418.405.959
24	8. Chi phí bán hàng		15.470.044.181	14.537.691.845
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		30.341.162.716	29.589.656.064
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		8.073.743.132	47.436.131.639
31	11. Thu nhập khác		8.951.979.283	11.883.658.805
32	12. Chi phí khác		2.657.710.514	2.674.988.333
40	13. Lợi nhuận khác	23	6.294.268.769	9.208.670.472
45	14. Lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24	(1.079.330.426)	(1.372.514.413)
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		13.288.681.475	55.272.287.698
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	25	3.462.693.406	7.981.976.574
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		9.825.988.069	47.290.311.124
61	19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	26	(902.195.228)	3.702.977.249
62	20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông Công ty mẹ		10.728.183.297	43.587.333.875
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	27	441,84	2,357

Mặc dù bị ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu, nền kinh tế vĩ mô trong nước có nhiều biến động nhưng hoạt động kinh doanh của Tập đoàn vẫn đạt mức tăng trưởng khá. Tuy nhiên, do các yếu tố đầu vào tăng mạnh (lạm phát, lãi suất vay vốn tăng cao) cùng với thị trường chứng khoán sụt giảm đã ảnh hưởng lớn đến hiệu quả hoạt động kinh doanh của Tập đoàn. Vì vậy, lợi nhuận năm 2011 chưa đạt được kế hoạch đề ra.

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2011**IV. Báo cáo tài chính:**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
 Năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		303.196.331.044	322.847.008.385
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	26.279.181.892	26.609.364.009
111	1. Tiền		15.915.181.892	26.609.364.009
112	2. Các khoản tương đương tiền		10.364.000.000	-
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4	420.481.517	111.102.025.308
121	1. Đầu tư ngắn hạn		1.269.666.841	112.522.464.742
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)		(849.185.324)	(1.420.439.434)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		187.107.302.775	116.218.905.693
131	1. Phải thu khách hàng		25.913.469.434	34.404.550.620
132	2. Trả trước cho người bán		12.652.466.053	15.265.507.261
135	4. Các khoản phải thu khác	5	152.341.334.480	70.197.558.704
139	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)		(3.799.967.192)	(3.648.710.892)
140	IV. Hàng tồn kho	6	79.987.602.175	58.015.414.876
141	1. Hàng tồn kho		79.987.602.175	58.115.001.222
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		-	(99.586.346)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		9.401.762.685	10.901.298.499
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		531.033.866	683.027.257
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		5.025.986.067	5.222.725.878
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		120.247.849	11.285.988
158	4. Tài sản ngắn hạn khác		3.724.494.903	4.984.259.376

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)
 Năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
			VND	VND
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		384.475.421.048	320.286.916.610
220	I. Tài sản cố định		235.509.109.336	202.078.796.601
221	1. Tài sản cố định hữu hình	7	140.392.743.110	136.554.007.821
222	- Nguyên giá		230.179.876.538	212.103.636.585
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(89.787.133.428)	(75.549.628.764)
227	2. Tài sản cố định vô hình	8	5.510.823.574	5.873.328.318
228	- Nguyên giá		7.132.094.928	7.132.094.928
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(1.621.271.354)	(1.258.766.610)
230	3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	9	89.605.542.652	59.651.460.462
250	II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	10	137.518.702.595	104.567.197.480
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		117.262.483.123	62.288.382.732
258	2. Đầu tư dài hạn khác		26.212.251.523	42.278.814.748
259	3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(5.956.032.051)	-
260	III. Tài sản dài hạn khác		2.790.952.317	2.140.216.289
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	2.790.952.317	2.140.216.289
269	IV. Lợi thế thương mại	12	8.656.656.800	11.500.706.240
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		687.671.752.092	643.133.924.995

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2011**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
			VND	VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		153.788.104.325	112.488.611.764
310	I. Nợ ngắn hạn		125.312.931.509	111.471.356.464
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	13	57.407.704.444	43.096.012.621
312	2. Phải trả người bán		22.859.092.957	14.828.936.785
313	3. Người mua trả tiền trước		3.294.809.702	3.044.395.846
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	5.941.525.486	9.825.030.380
315	5. Phải trả người lao động		3.661.623.929	3.526.152.448
316	6. Chi phí phải trả	15	4.981.958.701	3.414.666.513
319	7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	16	28.815.496.461	34.349.700.298
323	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		(1.649.280.171)	(613.538.427)
330	II. Nợ dài hạn		28.475.172.816	1.017.255.300
333	1. Phải trả dài hạn khác		250.900.000	350.900.000
334	2. Vay và nợ dài hạn	17	27.418.224.000	-
336	3. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		676.048.816	666.355.300
338	8. Doanh thu chưa thực hiện		130.000.000	-
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		529.657.735.857	504.830.609.103
410	I. Vốn chủ sở hữu	18	529.657.735.857	504.830.609.103
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		244.362.290.000	186.516.780.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		204.590.754.219	247.782.548.671
414	3. Cổ phiếu quỹ (*)		(4.662.935.543)	(4.662.935.543)
416	4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		169.374.186	58.878.352
417	5. Quỹ đầu tư phát triển		60.153.508.593	59.121.681.697
418	6. Quỹ dự phòng tài chính		6.616.551.635	6.272.609.336
420	7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		18.428.192.767	9.741.046.590
439	C. LỢI ÍCH CŨ ĐỒNG THIÊU SỔ	26	4.225.911.910	25.814.704.128
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		687.671.752.092	643.133.924.995

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2011**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm 2011	Năm 2010
			VND	VND
1	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	19	360.671.760.245	363.261.296.188
2	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		1.247.678.748	2.216.570.405
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		359.424.081.497	361.044.725.783
11	4. Giá vốn hàng bán	20	303.141.187.611	298.319.105.707
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		56.282.893.886	62.725.620.076
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	8.614.831.957	18.348.113.431
22	7. Chi phí tài chính	22	11.012.775.814	(10.489.746.041)
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		<i>6.123.353.817</i>	<i>6.418.405.959</i>
24	8. Chi phí bán hàng		15.470.044.181	14.537.691.845
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		30.341.162.716	29.589.656.064
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		8.073.743.132	47.436.131.639
31	11. Thu nhập khác		8.951.979.283	11.883.658.805
32	12. Chi phí khác		2.657.710.514	2.674.988.333
40	13. Lợi nhuận khác	23	6.294.268.769	9.208.670.472
45	14. Lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24	(1.079.330.426)	(1.372.514.413)
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		13.288.681.475	55.272.287.698
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	25	3.462.693.406	7.981.976.574
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		9.825.988.069	47.290.311.124
61	19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	26	(902.195.228)	3.702.977.249
62	20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông Công ty mẹ		10.728.183.297	43.587.333.875
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	27	441,84	2.357

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm 2011	Năm 2010
			VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		13.288.681.475	55.272.287.698
	2. Điều chỉnh cho các khoản		32.904.586.030	(38.126.585.862)
02	- Khấu hao tài sản cố định		17.605.776.805	17.006.507.598
03	- Các khoản dự phòng		5.436.447.895	(48.204.327.214)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		3.739.007.513	(13.347.172.205)
06	- Chi phí lãi vay		6.123.353.817	6.418.405.959
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		46.193.267.505	17.145.701.836
09	- (Tăng)/giảm các khoản phải thu		(81.864.308.797)	(33.905.653.502)
10	- (Tăng)/giảm hàng tồn kho		(21.872.600.953)	11.126.580.872
11	- (Tăng)/giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)		17.130.160.214	(4.599.437.251)
12	- (Tăng)/giảm chi phí trả trước		(1.165.558.365)	16.574.025.712
13	- Tiền lãi vay đã trả		(4.461.161.126)	(12.975.967.906)
14	- Thuế TNDN đã nộp		(4.359.179.027)	(7.073.636.642)
15	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		32.277.442.000	39.802.004.507
16	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(23.505.875.945)	(17.160.247.757)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(41.627.814.494)	8.933.369.869
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
21	1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và TS dài hạn khác		(52.732.989.220)	(24.029.625.897)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ, TS dài hạn khác		1.420.280.528	1.465.363.048
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(438.000.000)	(37.793.506.562)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		56.754.070.849	4.930.231.158
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(29.860.499.504)	(33.479.836.533)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		358.602.402	67.337.177.070
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		9.186.303.852	13.054.815.462
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(15.312.231.093)	(8.515.382.254)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH		14.622.720.000	-
33	2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		135.628.076.328	87.975.043.418
34	3. Tiền chi trả nợ gốc vay		(93.898.160.505)	(94.448.276.862)
36	4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	(5.429.689.600)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		56.352.635.823	(11.902.923.044)

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2011

50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	(587.409.764)	(11.484.935.429)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	26.609.364.009	38.321.628.511
61	Ảnh hưởng thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	257.227.647	(227.329.073)
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3 26.279.181.892	26.609.364.009

V. Bản giải trình báo cáo tài chính và báo cáo kiểm toán

1. Kiểm toán độc lập

- Đơn vị kiểm toán độc lập: Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC)

Địa chỉ: Số 1 Lê Phụng Hiểu – Q. Hoàn Kiếm - Hà Nội

- Ý kiến kiểm toán độc lập: Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tập đoàn HAPACO tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

2. Kiểm toán nội bộ

- Ý kiến kiểm toán nội bộ: Không có ý kiến.

VI. Các công ty có liên quan:

- Công ty nắm giữ trên 50% vốn cổ phần của công ty: Không có
- Công ty có trên 50% vốn cổ phần/vốn góp do công ty nắm giữ:

Công ty con	Vốn điều lệ	Vốn chủ sở hữu tại 31/12/2011	Đơn vị tính: VNĐ	
			Giá trị vốn góp	Tỷ lệ (%)
Công ty TNHH HAPACO Hải Âu	32.894.800.000	26.169.600.000	26.169.600.000	100 %
Công ty Cổ phần Yên Sơn	37.300.000.000	11.000.000.000	11.000.000.000	100 %
Công ty Cổ phần HAPACO Đông Bắc	45.000.000.000	5.523.855.039	5.523.855.039	100 %
Công ty CP Hải Hà	20.000.000.000	13.000.000.000	8.000.000.000	61,54 %
Công ty Cổ phần HAPACO H.P.P	127.000.000.000	155.630.855.217	155.630.855.217	100 %
Công ty TNHH Phương Đông	30.000.000.000	10.984.455.931	10.984.455.931	100 %
Công ty CP TMDV Hải phòng	12.132.000.000	6.132.000.000	6.121.980.000	99,84 %

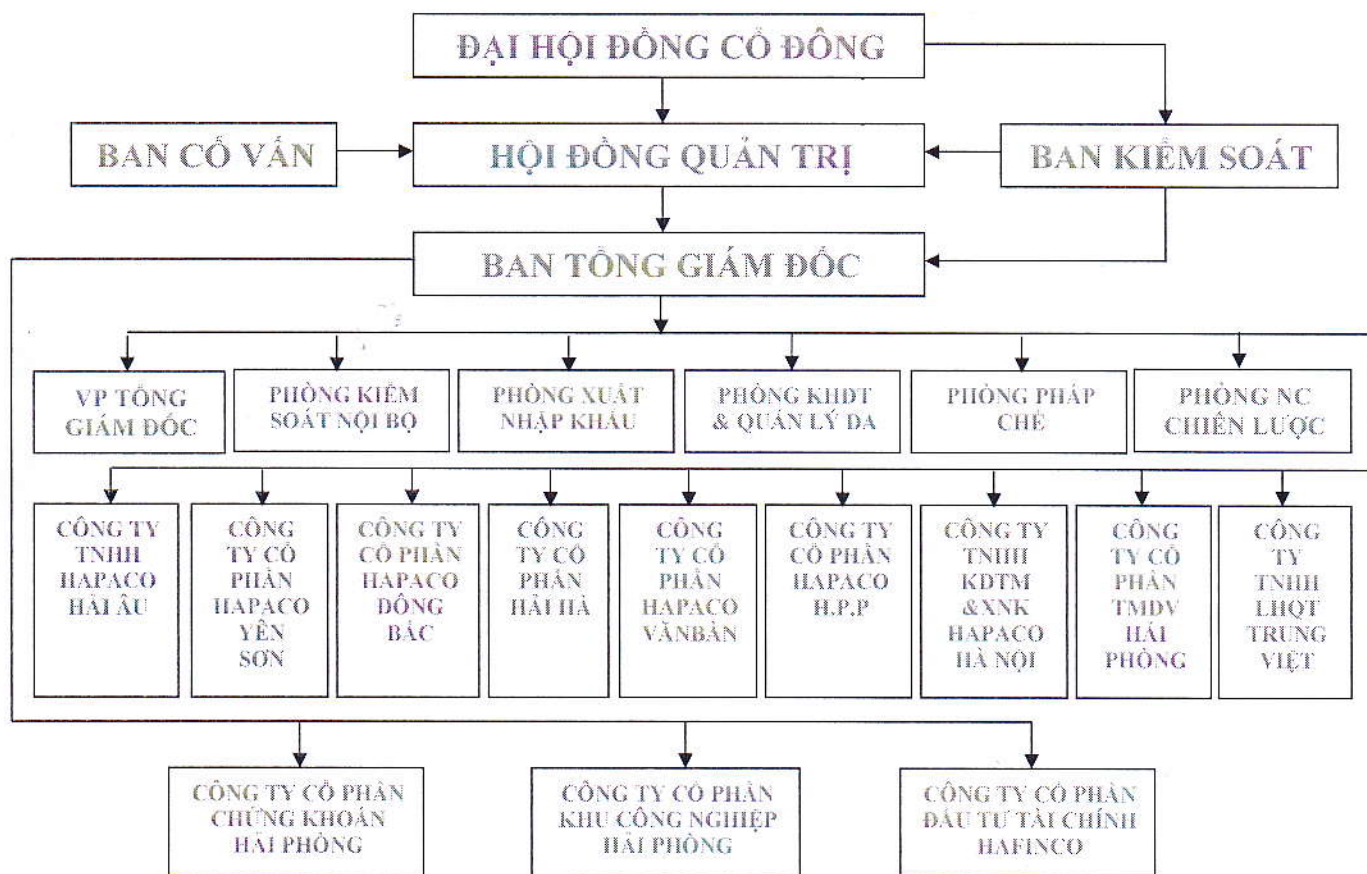
Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty liên quan:

- Tại thời điểm 31/12/2011, Tập đoàn HAPACO nắm giữ 35% vốn góp tại Công ty Cổ phần Đầu tư HAFINCO.

- Tại các Công ty con là Công ty TNHH HAPACO Hải Âu, Công ty Cổ phần HAPACO Yên Sơn, Công ty CP HAPACO H.P.P, Công ty Cổ phần HAPACO Đông Bắc chỉ có Công ty Cổ phần Tập đoàn HAPACO góp vốn tại thời điểm 31/12/2011.

VII. Tổ chức và nhân sự

- Cơ cấu tổ chức của công ty:



VIII. Thông tin cổ đông/thành viên góp vốn và Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên/Chủ tịch và Ban kiểm soát/Kiểm soát viên:

1.1. Danh sách thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2011-2015

1. Ông Vũ Dương Hiền - Chủ tịch HĐQT

Số CMTND: 030664890 do CA Hải Phòng cấp ngày 12/10/2007
 Giới tính: Nam
 Ngày sinh: 14/9/1942
 Nơi sinh: xã Minh Tân, huyện Thủy Nguyên, TP. Hải Phòng
 Quốc tịch: Việt Nam
 Dân tộc: Kinh
 Nguyên quán: xã Minh Tân, huyện Thủy Nguyên, TP. Hải Phòng
 Địa chỉ thường trú: 1/274 Lạch Tray, Ngô Quyền, Hải Phòng

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2011

Số điện thoại liên lạc: 031. 355 6002

Trình độ văn hóa: 10/10

Trình độ chuyên môn: Tiến sĩ kinh tế

Chuyên viên lý luận chính trị cao cấp

Quá trình công tác:

- 1958 - 1964: Giáo viên trường phổ thông cấp I, II xã Minh Tân
- Năm 1965: Học trường chính trị ngành giáo dục, bí thư đoàn trường
- 1965 - 1966: Hiệu trưởng trường phổ thông cấp I,II xã Minh Tân
- 1968 - 1977: Bí thư Đảng bộ Xí nghiệp đồ dùng dạy học
- 1977 - 1982: Làm việc tại Ban khoa giáo Thành uỷ Hải Phòng
- 1982 - 1999: Giám đốc Xí nghiệp Giấy bìa Đồng Tiến - Hải Phòng.
- 1999 - 2008: Tổng giám đốc - Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần HAPACO
- 2009 - nay: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Tập đoàn HAPACO

Chức vụ công tác hiện nay: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Tập đoàn HAPACO

Số cổ phần đang nắm giữ: 939.816 cổ phần

Hành vi vi phạm pháp luật (*nếu có*): Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

Các khoản nợ đối với công ty: Không

Lợi ích liên quan với tổ chức phát hành: Không

2. Ông Vũ Xuân Thủy - Phó Chủ tịch HĐQT

Số CMTND: 030977072 do CA Hải Phòng cấp ngày 29/11/2000

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 15/12/1966

Nơi sinh: Minh Tân, Thủy Nguyên, Hải Phòng

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Nguyên quán: Minh Tân, Thủy Nguyên, Hải Phòng

Địa chỉ thường trú: Số 11/33 Nguyễn Đức Cảnh, Hải Phòng

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2011

Số điện thoại liên lạc: 031. 383 5369

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư chế tạo máy

Quá trình công tác:

- Trước năm 1990: học nghề
- Từ 1990 - nay: Làm việc tại Công ty CP tập đoàn HAPACO

Chức vụ công tác hiện nay: Phó Chủ tịch HĐQT

Số cổ phần đang nắm giữ: 199.251 cổ phần

Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

Các khoản nợ đối với công ty: Không

Lợi ích liên quan với tổ chức phát hành: Không

3. Bà Nguyễn Thị Ngọc - Thành viên HĐQT

Số CMTND: 030125463 do CA Hải Phòng cấp ngày 3/7/1978

Giới tính: Nữ

Ngày sinh: 20/12/1952

Nơi sinh: Hạ Lý, Hồng Bàng, Hải Phòng

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Nguyên quán: Hải Phòng

Địa chỉ thường trú: Số 5/A9 phường An Dương, quận Lê Chân, Hải Phòng

Số điện thoại liên lạc: 031.383 5055

Trình độ văn hóa: 10/10

Trình độ chuyên môn: Trung cấp công nghệ giấy

Quá trình công tác:

- 1975 - 1986: Công tác tại Phòng KCS - Công ty giấy Hải Phòng
- 1986 - 1990: Phó quản đốc Xưởng sản xuất giấy mỏng- Công ty giấy Hải Phòng

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2011

- 1990 - 6/2002: Giám đốc Xí nghiệp giấy mỏng - Công ty CP Giấy Hải Phòng
- 6/2002 - nay: Giám đốc Công ty cổ phần Giấy Hải Âu nay là Công ty TNHH HAPACO Hải Âu

Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Tập đoàn HAPACO,
Giám đốc Công ty TNHH HAPACO Hải Âu.

Số cổ phần đang nắm giữ: 137.408 cổ phần.

Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

Các khoản nợ đối với công ty: Không

Lợi ích liên quan với tổ chức phát hành: Không

4. Ông Vũ Xuân Cường - Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc

Số CMTND: 012589747 do CA Hà Nội cấp ngày 31/3/2003

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 12/4/1971

Nơi sinh: Hải Phòng

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Nguyên quán: Minh Tân, Thủy Nguyên, Hải Phòng

Địa chỉ thường trú: Mễ Trì, Ba Đình, Hà Nội

Số điện thoại liên lạc: 031. 397 1736

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

Quá trình công tác:

- 1994 - 1997: Công ty liên doanh vận tải Việt Pháp – TP. Hồ Chí Minh
- 1997 - 2005: Công ty liên doanh vận tải Việt Pháp - TP Hà Nội
- 2005-2008: Giám đốc Nhà máy Giấy Hải Phòng nay là Công ty cổ phần HAPACO H.P.P

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2011

➤ 2008 - 2011: Phó Tổng Giám đốc Công ty CP HAPACO nay là Công ty cổ phần Tập đoàn HAPACO kiêm Giám đốc Công ty cổ phần HAPACO H.P.P

➤ 2011 - nay: Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Tập đoàn HAPACO.

Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc

Số cổ phần đang nắm giữ: 91.980 cổ phần

Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

Các khoản nợ đối với công ty: Không

Lợi ích liên quan với tổ chức phát hành: Không

5. Ông Bùi Đức Thống - Thành viên HĐQT

Số CMTND: 031157929 do CA Hải Phòng cấp ngày 16/6/1998

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 08/9/1959

Nơi sinh: Khúc Giản, An Tiên, Kiến An, Hải Phòng

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Nguyên quán: Hải Phòng

Địa chỉ thường trú: 144 An Đà, Ngô Quyền, Hải Phòng

Số điện thoại liên lạc: 029. 385 4491

Trình độ văn hóa: 10/10

Trình độ chuyên môn: Trung cấp cơ khí - xây dựng

Quá trình công tác:

➤ 1981 – 1985: Công tác tại nhà máy sửa chữa, thiết bị cảng biển – Công ty công trình Thủy - Tổng cục đường biển.

➤ 1986 - 1988: Cán bộ phòng Kế hoạch sản xuất Xí nghiệp Giấy Hải Phòng

➤ 1989 - 1990: Quản đốc Xưởng gia công số 4 Công ty Giấy Hải Phòng

➤ 1991 -1995: Phó Giám đốc xí nghiệp giấy để Công ty Giấy Hải Phòng

➤ 1996 -2007: Phó Giám đốc công ty Cổ phần Hapaco Yên Sơn kiêm Giám đốc điều hành Xí nghiệp Giấy Trấn Yên

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2011

➤ 2007 – 2011: Giám đốc Công ty CP Hải Hà, tỉnh Hà Giang

➤ 2011 – nay: Trưởng Phòng kế hoạch đầu tư và quản lý dự án.

Chức vụ công tác hiện nay: Ủy viên HĐQT CTCP Tập đoàn HAPACO, Trưởng Phòng kế hoạch đầu tư và quản lý dự án Tập đoàn HAPACO

Số cổ phần đang nắm giữ: 22.357 cổ phần

Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

Các khoản nợ đối với công ty: Không

Lợi ích liên quan với tổ chức phát hành: Không

6. Vũ Xuân Thịnh - Thành viên HĐQT - Phó Tổng Giám đốc

Số CMTND: 031168013 do CA Hải Phòng cấp ngày 20/6/1998

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 20/6/1974

Nơi sinh: Minh Tân, Thủy Nguyên, Hải Phòng

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Nguyên quán: Minh Tân, Thủy Nguyên, Hải Phòng

Địa chỉ thường trú: 1/274 Lạch Tray, Ngô Quyền, Hải Phòng

Số điện thoại liên lạc: 031. 355 6002

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Luật

Quá trình công tác:

➤ 1991 - 1992: Công nhân Công ty Giấy Hải Phòng.

➤ 1992-1993: cán bộ kinh doanh Công ty Giấy Hải Phòng.

➤ 1993-1998: Xưởng trưởng xưởng gia công số 3 Công ty Giấy Hải Phòng.

➤ 1998- 7/2005: Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần HAPACO.

➤ 7/2005 - 4/2007: Phó TGD Công ty cổ phần HAPACO kiêm Phó Chủ tịch HĐQT Công ty CP HAPACO Yên Sơn (Công ty thành viên Tập đoàn)

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2011

- 5/2007 - nay: Phó TGD Công ty CP HAPACO nay là Tập đoàn HAPACO kiêm Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần HAPACO Yên Sơn.

Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên HĐQT - Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn HAPACO

Số cổ phần đang nắm giữ: 247.942 cổ phần

Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

Các khoản nợ đối với công ty: Không

Lợi ích liên quan với tổ chức phát hành: Không

7. Ông Nguyễn Đức Hậu - Thành viên HĐQT - Phó Tổng Giám đốc

Số CMTND: 030925112 do CA Hải Phòng cấp ngày 16/10/2009

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 21/08/1971

Nơi sinh: Liên Am, Vĩnh Bảo, Hải Phòng

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Nguyên quán: Hải Phòng

Địa chỉ thường trú: Số 51/261 Khu nhà ở Trần Nguyên Hãn, Lê Chân, HP

Số điện thoại liên lạc: 031. 355 6009

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế - Tài chính Kế toán

Quá trình công tác:

- 1992 - 1994: Công nhân cơ điện Nhà máy giấy Hải Phòng
- 1995 - 1998: Phó giám đốc phân xưởng số 3 Công ty Giấy Hải Phòng
- 1999 - 2005: Giám đốc xí nghiệp số 3 Công ty CP Giấy Hải Phòng
- 2006 - 2008: Giám đốc xí nghiệp số 2 - Công ty CP Giấy Hải Phòng
- 2009 - nay: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn HAPACO.

Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Tập đoàn HAPACO.

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2011

Số cổ phần đang nắm giữ: 44.122 cổ phần

Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

Các khoản nợ đối với công ty: ông Nguyễn Đức Hậu hiện còn khoản nợ từ việc nhận chuyển nhượng cổ phần của Tập đoàn Hapaco tại Công ty cổ phần dệt may Hapaco, số tiền: **10.684.950.000 đồng**.

Lợi ích liên quan với tổ chức phát hành: Không

1.2. Danh sách thành viên Ban Kiểm soát

1. Ông Nguyễn Thanh Toàn - Trưởng Ban Kiểm soát

Số CMTND: 030554350 cấp ngày: 31/8/2005

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 22/8/1970

Nơi sinh: Hải Phòng

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Nguyên quán: Hải Phòng

Địa chỉ thường trú: Tổ 5 Hòa Hy - Cát Hải - Hải Phòng

Số điện thoại liên lạc: 031. 355 6013

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế, kiểm toán viên

Quá trình công tác:

- 1994 - 1996: Kế toán Công ty Duyên Hải Quảng Ninh
- 1996 - 2000: Kế Toán trưởng XN nhựa bao bì Xuất khẩu Quảng Ninh
- 2000 - 2002: Kế toán Công ty In Quảng Ninh
- 2002 - 2005: Trưởng phòng BHNT, Công ty Bảo hiểm nhân thọ Quảng Ninh
- 2005 - 2007: Phụ trách kế toán Chi nhánh Công ty dịch vụ tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán Quảng Ninh
- 2007 - 2009: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần quản lý quỹ đầu tư chứng khoán Hải Phòng

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2011

- 2009 - 2010: Trưởng phòng kiểm soát nội bộ Công ty TNHH đầu tư tài chính HAPACO
- 2010 - nay: Trưởng phòng kiểm soát nội bộ Công ty Cổ phần Tập đoàn HAPACO.

Chức vụ công tác hiện nay: Trưởng Ban kiểm soát CTCP Tập đoàn HAPACO

Số cổ phần đang nắm giữ: 0 cổ phần

Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

Các khoản nợ đối với công ty: Không

Lợi ích liên quan với tổ chức phát hành: Không

2. Bà Trần Tiểu Phụng - Thành viên Ban Kiểm soát

Số CMTND: 021888137 cấp ngày: 28/2/2009

Giới tính: Nữ

Ngày tháng năm sinh: 26/10/1964

Nơi sinh: TP. Hồ Chí Minh

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Hoa

Nguyên quán: Phúc Kiến, Trung Quốc

Địa chỉ thường trú: 189 An Dương Vương, P8, Q5, Tp Hồ Chí Minh

Số điện thoại liên lạc: 0903711268

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

- 1990 - 1993: Công tác tại Công ty Du lịch Văn Minh
- 1993 - 1998: Cửa hàng Mỹ Nghệ Vạn Năng
- 1998 - 2006: Công ty TNHH Thương mại Vạn Năng

Chức vụ công tác hiện nay: Giám đốc Phòng vé Vạn Năng.

Thành viên Ban kiểm soát CTCP Tập đoàn HAPACO

Số cổ phần đang nắm giữ: 407.317 cổ phần

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2011

Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

Các khoản nợ đối với công ty: Không

Lợi ích liên quan với tổ chức phát hành: Không

3. Bà Vũ Thị Hiền - Thành viên Ban Kiểm soát

Số CMTND: 030646362 cấp ngày: 25/2/1981

Giới tính: Nữ

Ngày tháng năm sinh: 20/10/1961

Nơi sinh: Hải Phòng

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Nguyên quán: Hải Phòng

Địa chỉ thường trú: Số 9/54 Vạn Kiếp, Hồng Bàng, Hải Phòng

Số điện thoại liên lạc: 031. 383 5538

Trình độ văn hóa: 10/10

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

- 1984 - 1987: Phòng TCHT Công ty Giấy Hải Phòng
- 1987 - 1997: Phòng Kế toán tài chính Công ty Giấy Hải Phòng
- 1997 - 1999: Phòng kế toán tài chính Công ty Giấy Hải Âu
- 1999 - 2001: Phòng Kế toán tài chính Công ty CP Giấy Hải Phòng
- 2002 - 2011: Kế toán trưởng Công ty TNHH HAPACO Hải Âu
- 2011 – nay: Giám đốc Tài chính Công ty TNHH HAPACO Hải Âu.

Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên Ban kiểm soát Công ty CP Tập đoàn HAPACO

Số cổ phần đang nắm giữ: 2.392 cổ phần

Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

Các khoản nợ đối với công ty: Không

1.3. Danh sách thành viên Ban Tổng Giám đốc

Thành viên Ban Tổng Giám đốc của HAPACO bao gồm 05 thành viên trong đó có 01 Tổng Giám đốc và 04 Phó Tổng Giám đốc, cụ thể như sau:

1. Ông Vũ Xuân Cường - Tổng Giám đốc

(Xem thông tin chi tiết tại phần 1.1 Danh sách thành viên Hội đồng quản trị)

2. Ông Vũ Xuân Thịnh - Phó Tổng Giám đốc

(Xem thông tin chi tiết tại phần 1.1 Danh sách thành viên Hội đồng quản trị)

3. Ông Nguyễn Đức Hậu - Phó Tổng Giám đốc – Kiêm Giám đốc công ty CP Dệt may HAPACO

(Xem thông tin chi tiết tại phần 1.1 Danh sách thành viên Hội đồng quản trị)

4. Ông Nguyễn Văn Ba - Phó Tổng Giám đốc – Kiêm Tổng Giám đốc CTCP Khu công nghiệp HP

Số CMTND: 030742618 do CA Hải Phòng cấp ngày 22/7/2007

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 23/12/1960

Nơi sinh: Hải Dương

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Nguyên quán: Hải Dương

Địa chỉ thường trú: Số 176A Quang Trung, Hồng Bàng, Hải Phòng

Số điện thoại liên lạc: 031. 355 6005

Trình độ văn hóa: 10/10

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư ngành Công nghệ Thực phẩm

Quá trình công tác:

- 1978 - 1980: Công nhân Quốc phòng, XN cục hậu cần Quân khu 3
- 1980 - 1982: Học văn hóa ôn thi trường Sĩ quan chỉ huy kỹ thuật ô tô
- 1982 - 1984: Công nhân Quốc phòng, XN cục hậu cần Quân khu 3
- 1984 - 1986: Công ty Bách hóa tổng Phong Lan
- 1986 - 2007: Công ty Thương mại dịch vụ và Xuất nhập khẩu Hải Phòng

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2011

- 2007 - nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần HAPACO này là Công ty Cổ phần Tập đoàn HAPACO

Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng Giám đốc

Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

Các khoản nợ đối với công ty: Không

Lợi ích liên quan với tổ chức phát hành: Không

5. Bà Mai Thị Thanh Yên - Phó Tổng Giám đốc

Số CMND: 030891761 do CA Hải Phòng cấp ngày 16/6/2008

Giới tính: Nữ

Ngày sinh: 22/10/1973

Nơi sinh: Tân Tiến – An Dương - Hải Phòng

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Nguyên quán: Tân Tiến – An Dương - Hải Phòng

Địa chỉ thường trú: Số 27 Đông Trà 3, P. Dư Hàng Kênh, Lê Chân, Hải Phòng

Số điện thoại liên lạc: 031.3556.002 (máy lẻ: 124)

Trình độ văn hóa: 10/10

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế (chuyên ngành Kế toán) - Trường Đại học kinh tế quốc dân Hà Nội, Cử nhân ngoại ngữ (chuyên ngành Anh văn) - Trường Đại học sư phạm ngoại ngữ Hà Nội, Thạc sỹ quản trị kinh doanh - Trường Đại học Nam Colombia – Hoa Kỳ.

Quá trình công tác:

- 12/1995 – 04/2000: Kế toán tổng hợp tại Công ty liên doanh Việt - Nhật
- 05/2000 – 01/2009: Kế toán trưởng – Công ty TNHH sáng tạo Interactive (100% vốn của Hoa Kỳ).
- 06/2005 – 12/2009: Giám đốc tài chính Alive Interactive – Hoa Kỳ
- 01/2010 – 07/2010: Giám đốc tài chính, quản lý dự án khu đô thị Nam sông Lạch Tray – Công ty TNHH Agape Việt Nam (100% vốn của Singapore).
- 09/2010 - nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần tập đoàn HAPACO

Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Tầng 6 toà nhà Khánh Hội, Lô2/3C Lê Hồng Phong, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2011

Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có):	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty:	Không
Các khoản nợ đối với công ty:	Không
Lợi ích liên quan với tổ chức phát hành:	Không

2. Các dữ liệu thống kê về cổ đông/thành viên góp vốn:

STT	Chỉ tiêu	Số lượng nắm giữ (CP)	Tỷ lệ nắm giữ (%) (CP)	Số lượng cổ đông
1	Cổ đông trong nước			
	- Tổ chức	266.221	1,09	76
	- Cá nhân	21.456.876	87,81	6.346
2	Cổ đông nước ngoài			
	- Tổ chức	474.810	1,94	15
	- Cá nhân	2.082.852	8,52	614
3	Cổ phiếu quỹ	155.470	0,64	1
	Tổng cộng	24.436.229	100%	7.052

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

CHỦ TỊCH HĐQT
TS. Vũ Dương Hiến